

Bạo lực và chấn thương trong tiểu thuyết *Chiến tranh trắng* của Ahn Jung-Hyo

Ngô Thị Thu Thủy

Nghiên cứu sinh, Khoa Văn học và Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh

Email: 23922012004@hcmussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 02/01/2025; Ngày sửa bài: 15/05/2025; Ngày duyệt đăng: 23/05/2025

Tóm tắt

Chiến tranh trắng (White War) của Ahn Jung-hyo là cuốn tiểu thuyết mô tả chiến tranh Việt Nam từ góc nhìn của một người lính Hàn Quốc. Bài viết này giới thiệu bối cảnh lịch sử và văn hóa khi Chiến tranh trắng ra đời, nhấn mạnh vai trò của Hàn Quốc trong chiến tranh Việt Nam, từ đó tìm hiểu những tác động mạnh mẽ của bạo lực chiến tranh và bạo lực văn hóa đối với tâm hồn những người lính trong và sau cuộc chiến. Nghiên cứu kết hợp lý thuyết chấn thương, hướng phân tích diễn ngôn và phân tích bối cảnh lịch sử, văn hóa để khám phá các hình thái bạo lực và sự biểu đạt chấn thương trong tiểu thuyết. Qua đó, nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của văn học trong việc nhận diện các thiết chế bạo lực và văn hóa gây ra chấn thương, khẳng định ý nghĩa của tác phẩm trong việc khuyến khích sự công nhận nỗi đau, chia sẻ trách nhiệm và thúc đẩy đối thoại văn hóa.

Từ khóa: bạo lực chiến tranh, bạo lực văn hóa, chấn thương, chiến tranh Việt Nam, ký ức

Violence and Trauma in Ahn Jung-Hyo's novel *White War*

Ngo Thi Thu Thuy

Graduate student, Faculty of Literature, University of Social Sciences and Humanities, Viet Nam National University Ho Chi Minh City

Correspondence: 23922012004@hcmussh.edu.vn

Received: 02/01/2025; Revised: 15/05/2025; Accepted: 23/05/2025

Abstract

The novel *White War*, written by Ahn Jung-Hyo portrays the Vietnam War from the perspective of a South Korean soldier. This study introduces the historical and cultural context in which *White War* was written, emphasizing South Korea's role in the Vietnam War. It explores the profound impacts of wartime violence and cultural violence on the psyche of soldiers during and after the war. The study integrates trauma theory, discourse-analytical approach and the analysis of historical and cultural contexts to explore forms of violence and the representation of trauma in the novel. Through this exploration, research underscores the significance of literature in identifying the structures of violence and the cultural forces that generate trauma, affirming the novel's value in fostering recognition of pain, sharing of responsibility, and promoting of cultural dialogue.

Keywords: cultural violence, memory, trauma, Viet Nam war, war violence

1. Đặt vấn đề

Chiến tranh Việt Nam (1955-1975) đã để lại những dấu ấn sâu đậm không chỉ trong lịch sử Việt Nam mà còn trong ký ức và văn hóa Hàn Quốc. Tại Hàn Quốc, diễn ngôn lãng mạn hóa và anh hùng hóa việc tham chiến của quân đội trong chiến tranh Việt Nam đến nay vẫn còn hiện diện. Diễn ngôn ấy không chỉ làm lu mờ bản chất thực sự của cuộc chiến mà còn phớt lờ nỗi đau của chính những người lính Hàn Quốc từng tham chiến. Viết về cuộc chiến này, *Chiến tranh trắng* (White War) của Ahn Jung-Hyo một mặt phản ánh những trải nghiệm bạo lực chiến tranh của người lính Hàn Quốc, mặt khác đặt ký ức về những trải nghiệm ấy trong bối cảnh của diễn ngôn văn hóa, từ đó khắc họa rõ nét các sắc thái của bạo lực văn hóa từ trong chiến tranh đến thời hậu chiến. Nghiên cứu này vì vậy hướng đến việc làm sáng tỏ những tổn thương tâm lý và đạo đức của người lính Hàn, đồng thời khơi gợi không gian đối thoại liên văn hóa về chiến tranh và ký ức tập thể giữa Việt Nam và Hàn Quốc. Điều này có ý nghĩa thúc đẩy việc tìm kiếm tiếng nói chung giữa hai nền văn học về một đề tài còn nhiều tranh cãi, với thái độ còn nhiều dè dặt và thận trọng; từ đó góp phần thúc đẩy hợp tác vượt qua quá khứ, hướng tới tương lai hữu nghị hai nước.

Liên quan đến vấn đề bạo lực và chấn thương trong tiểu thuyết *Chiến tranh trắng*, các nghiên cứu trước thường tập trung vào bản chất của cuộc chiến, xung đột giữa ký ức tập thể và trải nghiệm cá nhân của người lính. Xuất phát từ quan điểm rằng cuộc chiến này là “một trong những sự kiện quan trọng của lịch sử Hàn Quốc ngày nay” (Lee, 2016: 38), Lee Kyung-Jae cho rằng những chấn thương và đau khổ của những người lính Hàn Quốc có nguyên nhân từ bản chất bạo lực và vô nghĩa của chiến tranh. Hồ Thị

Long An đã nhấn mạnh vào trải nghiệm chiến tranh của tác giả Ahn Jung-Hyo, từ đó cho thấy bản chất hủy diệt của cuộc chiến và sự ám ảnh của “những kí ức đau lòng về chiến tranh” (Hồ Thị Long An, 2002: 32). Khám phá những tương đồng giữa chiến tranh Việt Nam và chiến tranh Triều Tiên, Jung Chan-Young nhận định rằng *Chiến tranh trắng* là một nỗ lực “khôi phục lại sự thật bị méo mó của chiến tranh” (Yeong, 2002: 221) thông qua việc miêu tả những đau khổ mà những người lính sống sót từ Chiến tranh Việt Nam phải chịu đựng.

Mặc dù các công trình trên đã quan tâm đến trải nghiệm chiến tranh và chấn thương trong *Chiến tranh trắng* nhưng chưa vận dụng cách tiếp cận từ góc độ lý thuyết chấn thương, vì thế chưa làm rõ tác động mạnh mẽ của các dạng thức bạo lực đối với tâm lý - tinh thần người lính tham chiến. Kế thừa và tiếp nối những nghiên cứu trước, bài viết này sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành kết hợp lý thuyết chấn thương, lý thuyết diễn ngôn và nghiên cứu bối cảnh lịch sử - văn hóa để khám phá bạo lực chiến tranh, bạo lực văn hóa hậu chiến và sức mạnh của văn học trong việc tái hiện chấn thương của người lính Hàn Quốc trong chiến tranh Việt Nam. Thông qua việc phân tích cơ chế vận hành của chấn thương trong nội tâm của nhân vật người lính, bài viết góp phần làm sáng tỏ những trải nghiệm chiến tranh bị lãng quên và nhấn mạnh vai trò của văn học trong việc nhận thức lại lịch sử.

2. Hoàn cảnh ra đời tác phẩm và lý thuyết chấn thương

2.1. Hoàn cảnh ra đời tác phẩm

Sự hiện diện của 320.000 lính Hàn Quốc tại Việt Nam là kết quả của chiến lược liên minh với Mỹ dưới thời Tổng thống Park Chung-Hee. Việc tham chiến đã đem lại các khoản viện trợ và hợp đồng kinh tế -

quân sự từ Mỹ, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng GDP thần kỳ trong công cuộc phục hồi Hàn Quốc sau chiến tranh Liên Triều. Đồng thời, chính phủ Hàn Quốc cũng cổ xúy cuộc chiến chống chủ nghĩa cộng sản như “*một cuộc thập tự chinh nhằm bảo vệ thế giới tự do*” (Yeong, 2002: 218). Tự hào về “sự hy sinh” của một thế hệ cho đất nước, xã hội Hàn Quốc không chỉ cổ xúy thanh niên của họ tham chiến tại Việt Nam mà còn anh hùng hóa và lãng mạn hóa nó, thông qua các tác phẩm văn hóa như *Sông Ba xa xôi* (1993) và *Lời hứa với cha* (2014). Việc *Hàn Quốc hóa* cuộc chiến trong những tác phẩm này bằng cách lấy con người Hàn Quốc làm trung tâm, coi chiến trường Việt Nam chỉ là bối cảnh đã làm mờ đi thực tế khốc liệt của chiến tranh và nỗi đau khổ của người Việt Nam.

Suốt nhiều thập kỷ, chính phủ Hàn Quốc đã phủ nhận hoặc né tránh trách nhiệm về những vụ thảm sát dân thường Việt Nam của quân đội Hàn Quốc. Tuy nhiên, từ năm 1992, việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam như một nỗ lực hàn gắn vết thương chiến tranh, hướng tới tương lai hữu nghị đã dần làm thay đổi nhận thức về bản chất của cuộc chiến và mức độ can thiệp của quân đội Hàn Quốc. Nhiều tổ chức xã hội dân sự và cá nhân đã nỗ lực thúc đẩy việc thừa nhận và xin lỗi về các tội ác chiến tranh, như phong trào *Xin lỗi Việt Nam!* (1999) hay việc thành lập Ủy ban điều tra về thảm sát thường dân trong chiến tranh Việt Nam (2000). Đến năm 2001, Tổng thống Kim Dae-Jung đã bày tỏ sự hối tiếc về nỗi đau mà Hàn Quốc đã gây ra cho nhân dân Việt Nam. Theo Lee, những sự kiện này đã khiến “*ký ức phản kháng dân có sức ảnh hưởng lớn trong xã hội*” (Lee, 2016: 35). Việc xây dựng lại ký ức của xã hội về Chiến tranh Việt Nam là một nhu cầu thực tế của

đời sống chính trị và văn hóa Hàn Quốc.

Văn học Hàn Quốc đã thể hiện sự biến chuyển này qua sự chuyển hướng từ mỹ hóa chiến tranh sang đối thoại với thực tế. Một loạt tác phẩm như *Người da vàng* của Lee Sang-Mun (1987), *Huân chương và xiềng xích* của Lee Won-Kyu (1987), *Bóng của vũ khí* của Hwang Suk-Young (Phần 1: 1985, Phần 2: 1988), *Áo dài đỏ* của Oh Huyn-Mi (1995) đã đưa chiến tranh trở lại dưới góc nhìn phê phán, phản ánh thực tiễn khốc liệt và tình thế bị thúc thủ của người lính Hàn trong cuộc chiến. Trong dòng văn học “xét lại” đó, tiểu thuyết *Chiến tranh trắng* của nhà văn - cựu chiến binh Ahn Jung-Hyo là một tiếng nói kháng cự lại diễn ngôn anh hùng trước đây, tập trung vào “*những trải nghiệm sống động và đau đớn hơn nhiều so với việc người ta chỉ xem cuộc chiến ở Việt Nam là một trò chơi*” (Yeong, 2002: 213). Bằng cách đặt chân thương của người lính Hàn Quốc vào vị trí trung tâm, tiểu thuyết này không chỉ chất vấn những diễn ngôn quyền lực trong lòng xã hội Hàn Quốc mà còn phản ánh sự thất bại của xã hội Hàn Quốc trong việc điều trị chấn thương của người lính sau chiến tranh.

2.2. Lý thuyết chấn thương

Lý thuyết chấn thương có khởi nguồn từ những nghiên cứu của Freud về tác động của bạo lực chiến tranh đối với người lính. Trong các công trình nghiên cứu về giấc mơ, Freud ghi nhận hiện tượng bệnh lý ác mộng xâm nhập lặp đi lặp lại ở các cựu chiến binh như là một sự tái diễn các sự kiện bạo lực. Thứ bạo lực này rõ ràng không chỉ là một sự kiện thể chất mà còn là một trải nghiệm tâm lý mạnh mẽ. Diễn giải điều này, Caruth định nghĩa chấn thương là “*một kinh nghiệm choáng ngợp về những sự kiện đột ngột hay thảm họa mà phản ứng đối với sự kiện đó thường xuất hiện dưới dạng ảo giác và các*

hiện tượng mang tính chất xâm nhập thường bị trì hoãn và tái diễn một cách không kiểm soát được¹” (Caruth, 1991: 11). Trải nghiệm bạo lực này không chỉ dừng lại ở những tác động trực tiếp mà còn bao hàm những hậu quả sâu rộng và dai dẳng về tâm lý và xã hội. Trong đó, một dạng chấn thương đặc thù ở người lính đã được nhà nghiên cứu chấn thương trong quân đội Jonathan Shay phát triển thành lý thuyết tổn thương về đạo đức, mô tả khủng hoảng đạo đức ở những người lính buộc phải thực hiện hoặc chứng kiến những hành vi đi ngược lại với hệ giá trị của bản thân. Khủng hoảng đạo đức này liên quan đến sự áp đặt của những diễn ngôn quyền lực trong xã hội đối với câu chuyện trải nghiệm của cá nhân như một dạng thức bạo lực mà Johan Galtung đã định nghĩa là bạo lực văn hóa. Galtung xác định một hình thức phức tạp của bạo lực đã “thâm nhập vào bản sắc xã hội cơ bản của xã hội, bao gồm các khía cạnh văn hóa như tư tưởng và tôn giáo, gây hại và chấp nhận sự gây hại do cá nhân hoặc tổ chức gây ra” (Galtung, 1990: 291). Bạo lực văn hóa do đó len lỏi trong những diễn biến âm thầm của đời sống thường nhật, hoạt động mạnh mẽ trong một diễn ngôn độc đoán và quyền lực, có sức mạnh trấn áp tiếng nói cá nhân và từ đó gây ra hoặc làm trầm trọng thêm chấn thương.

Lý thuyết chấn thương một mặt giúp chúng ta hiểu nỗi đau, mặt khác còn mở ra khả năng chia sẻ và phục hồi thông qua ngôn ngữ. Theo Kurtz, “một trong những tuyên bố cơ bản của lý thuyết chấn thương, đó là ngôn ngữ văn chương, trong bản chất của nó, cung cấp một phương tiện hiệu quả mang tính độc nhất biểu đạt cho kinh nghiệm chấn thương theo cách ngôn ngữ

thông thường không thể” (Kurtz, 2018: 8). Caruth cũng cho rằng văn học chấn thương không đơn thuần là kể lại sự kiện, mà là một nỗ lực để hiểu những gì chưa từng được hiểu khi sự kiện xảy ra. Đặc trưng của truyện kể chấn thương “là một hình thức kể đúp (double telling), là sự dao động giữa sự khủng hoảng về cái chết và sự khủng hoảng tương tự về đời sống: giữa chuyện kể về bản chất không thể chịu đựng nổi của một sự kiện và bản chất không thể chịu đựng nổi của ngay cả việc còn sống sót sau sự kiện đó” (Caruth, 1996: 7). Thông qua việc nghiên cứu các tác phẩm văn học chấn thương, chúng ta có thể diễn giải được cơ chế gây sang chấn, nhận diện những biểu hiện đặc thù của chấn thương hậu chiến ở người sống sót, khám phá những cơ tầng tâm lý và văn hóa khiến chấn thương tái lập và ám ảnh.

Chiến tranh trắng của Ahn Jung-Hyo là một tiểu thuyết chấn thương tiêu biểu, khắc họa sâu sắc những tổn thương tâm lý của người lính Hàn Quốc qua hình tượng Han Ki-Joo - nhà báo, cựu binh từng tham chiến tại Việt Nam năm 1966, cũng là hình ảnh phản chiếu chính tác giả. Điều nổi bật trong tác phẩm là chấn thương không chỉ đến từ bạo lực chiến tranh, mà còn từ sự đàn áp ký ức cá nhân người lính bởi diễn ngôn văn hóa - chính trị trong lòng xã hội hậu chiến. Thông qua việc khai thác các biểu hiện của chấn thương như sốc tâm lý chiến tranh (shellshock), phân ly, khủng hoảng đạo đức và sự cô lập giữa xã hội của nhân vật, tiểu thuyết đã mở ra một không gian để chấn thương được gọi tên, được đối thoại và tưởng nhớ.

3. Biểu hiện của bạo lực và chấn thương

¹ Hải Ngọc dịch (2020). *Kinh nghiệm không được khẳng định: chấn thương và những khả năng của lịch sử*.

<https://hieutn1979.wordpress.com/2013/03/29/cathy-caruth-nhung-kinh-nghiem-khong-duoc-khang-dinh-chan-thuong-va-nhung-kha-nang-cua-lich-su/>

trong tiểu thuyết *Chiến tranh trắng*

3.1. Bạo lực chiến tranh và chấn thương tâm lý ở người lính

Dưới tác động của diễn ngôn chính thống từ nhà nước, quân đội và truyền thông Hàn Quốc về cuộc “thập tự chinh” vì chính nghĩa; nhân vật trung tâm của tiểu thuyết Han Ki-Joo tham gia Chiến tranh Việt Nam với những hình dung mơ hồ về chiến trường và ảo tưởng thực hiện “hành trình Odyssey” của đời mình. Tuy nhiên, khi đến Việt Nam, anh sớm nhận ra chiến tranh không phải là đấu trường chính nghĩa mà là một thực tại tàn khốc với rừng rậm, bầy chông, đạn pháo và xương máu tràn trệ “*Chiến tranh không phải là sân chơi anh hùng hoặc đấu tranh cho công lý, mà chỉ là một trận chiến khắc nghiệt để sống sót*” (Yeong, 2002: 216). Sau gần một năm trong cuộc chiến, Han nhận thức được sự tàn bạo và vô nghĩa của nó. Cuối cùng, Han Ki-Joo và Pyon Chinsu là hai trong số bảy người của đơn vị sống sót trở về quê nhà, mang theo những chấn thương dai dẳng. Từ góc độ này, *Chiến tranh trắng* có thể được hiểu như một diễn ngôn phản kháng, vạch trần mâu thuẫn và những khoảng trống trong hệ tri thức của diễn ngôn chính thống.

Ahn Jung-Hyo mô tả chiến tranh qua cái nhìn của Han như một cuộc tàn sát: những thân thể bị xé nát, những người bị thương chết dần trong kinh hoàng, ... Han vỡ mộng vì chiến tranh, khi chứng kiến những cái chết không hề lãng mạn và hào hùng như sử thi mà trần trụi, dữ dội và im lặng một cách thảm khốc. Ahn Jung-Hyo không hề khoan dung với cảm xúc của độc giả khi rất nhiều lần mô tả tỉ mỉ những cái chết thảm khốc, dưới nhiều hình thức khác nhau, nhằm gây ấn tượng sâu đậm về bộ mặt gớm ghiếc của chiến tranh:

“Không biết từ đâu mà ra, chừng năm,

sáu thanh tre đã xuyên sâu qua cổ họng và ngực của hắn, vài dòng máu đỏ xuống vạt cỏ. Cánh tay trái hắn bị xé toạc, khuỷu tay treo lủng lẳng...Miệng há to, đôi mắt mở trừng trừng nhìn chúng tôi, hình như hắn đang cố gắng nói điều gì đó nhưng vì quá kinh hoàng và sợ hãi nên chẳng có từ nào thoát được khỏi cổ họng đang tắc nghẹn” [1]

Thứ bạo lực kinh hoàng này cũng đã kích hoạt trong người lính sự yếu đuối và tàn bạo. Hiện thực chiến trường không phải là phong nền hào hùng để người lính phô diễn nam tính và hiện thực hóa lý tưởng anh hùng mà thực chất chỉ là những cuộc bắn giết trong sợ hãi và hận thù. Họ lao vào giết chóc trong “*một cơn điên loạn thoáng qua*” [2] để rồi tỉnh lại sau cơn say máu “*chẳng tìm được lý do nào đủ sức thuyết phục chính mình rằng hành động đó là chính đáng*” [3]. Han cảm nhận sâu sắc sự tha hóa của mình dưới sức mạnh tác động khủng khiếp của bạo lực chiến tranh “*giữa tất cả các loài vật, con người là loài động vật tàn bạo nhất*” [4]. Một chuỗi những trải nghiệm chết chóc mà Han tận mắt chứng kiến và hành vi giết chóc anh trực tiếp tham gia đã tạo nên quá trình tích tụ và dồn nén những kinh nghiệm không thể chịu đựng nổi.

Trải nghiệm trong chiến tranh vốn “*là một tác nhân gây chấn thương cực độ*” (Roger Luckhurst), với bạo lực ở cường độ ghê gớm và quy mô khủng khiếp. Trải nghiệm mạnh mẽ đó gây ra những cú sốc tâm lý chiến tranh vượt quá chiều kích tâm lý của sự chịu đựng, đẩy nạn nhân vào trạng thái tê liệt, dẫn đến rối loạn nhận thức về thực tại. Sự kiện chấn thương trở thành một trải nghiệm vượt quá khả năng tiếp nhận và diễn giải của chủ thể tại thời điểm xảy ra. Tiếp cận chấn thương từ góc độ tác động mạnh mẽ của bạo lực chiến tranh cho phép

diễn giải cơ chế gây sang chấn, nhận diện những biểu hiện đặc thù của chấn thương hậu chiến ở người lính, khám phá những cơ tầng tâm lý và văn hóa khiến chấn thương tái lập và không thể hóa giải.

Kết quả của một chuỗi những sự kiện bạo lực đặc biệt nghiêm trọng trên chiến trường đã dẫn đến sự bùng phát phản ứng dây chuyền của cảm xúc ở Han. Cú sang chấn khởi đầu với sự tan vỡ ảo tưởng “người hùng” - vốn là một cảm hứng lãng mạn mong manh trước thực tế bạo lực chiến tranh. Chỉ một đợt dội pháo xa xa đã khiến hàng ngũ của Han rối bời, đồng đội Han nôn mửa vì sợ hãi. Cảnh tượng đồng đội bị những thanh tre xuyên cổ họng, đôi mắt trợn trừng vì đau đớn khiến Han tê liệt *“Mỗi khi tôi nhớ lại [...] tôi không thể thở được”* [5]. Những phản ứng tức thì như nghẹt thở, choáng váng, tâm trí đột ngột chao đảo và rơi vào trống rỗng cho thấy những biểu hiện điển hình của PTSD (post-traumatic stress disorder) ở Han khi rào chắn tinh thần bị phá vỡ bởi sức mạnh của sự kiện bạo lực cực độ. Theo Freud, đây là hệ quả của một chấn động tinh thần vượt quá khả năng chịu đựng của ý thức, khiến toàn bộ tinh thần của người sống sót rạn vỡ và sụp đổ.

Bản chất của chấn thương cần được diễn giải thông qua phản ứng chịu đựng hay phản kháng của con người đối với chấn thương chứ không chỉ ở bản thân sự kiện hay ngữ cảnh. Diễn giải về chấn thương cần đặt tiêu điểm quan sát ở khả năng đối diện với cú sang chấn của nhân vật. Điểm bùng phát chấn thương mãnh liệt nhất của Han nằm ở lần đầu tiên trực tiếp giết một người lính Việt Cộng - một hành vi tưởng như là “bình thường” trong chiến tranh, nhưng lại để lại một vết thương đạo đức không thể hóa giải:

“Và bất ngờ tôi bị áp đảo bởi nỗi sợ hãi

rằng tay Việt Cộng vừa ngã gục kia có thể nhảy lên cổ tôi với sức mạnh siêu nhiên và xé toạc tôi bằng đôi tay trần, như cách tôi đã xay nhừ hân ta, thế là tôi rút chốt lựu đạn ném liên tiếp về phía hân, vừa ném vừa gào thét” [6].

Trong khoảnh khắc ấy, hành động của Han không phải vì lý tưởng, cũng không phải vì tự vệ chính đáng mà như một kẻ bị hoảng loạn cực độ bị chi phối bởi bản năng sinh tồn. Tiếng gào thét và hành vi ném lựu đạn điên loạn của anh là phản ứng tức thì trước khủng hoảng tâm lý, nhưng đồng thời cũng đánh dấu một điểm vận hành của chấn thương như một “vết nứt” của lá chắn tinh thần sâu trong tâm trí. Han không thể xử lý cú sang chấn ngay lúc nó xảy ra. Vì thế mà về sau, cú sốc bị kiềm tỏa vẫn luôn biểu hiện thành sự run rẩy, tê liệt, mất ngủ triền miên do ác mộng và hồi tưởng. Đỉnh điểm của sang chấn là trạng thái mất trí nhớ khi tâm trí Han buộc phải phân ly khỏi trải nghiệm gây sốc để sinh tồn, nhưng cũng chính vì thế mà ký ức chấn thương vĩnh viễn không thể kiểm soát được.

Sự phân ly bản ngã khỏi trải nghiệm trong trường hợp của Han Ki-Joo là một chiến lược sống sót của tâm thức trước bạo lực, nhưng đồng thời cũng là nguồn gốc của sang chấn kéo dài. Kẻ sống sót cố gắng tồn tại bằng cách “không nhớ”, nhưng lại bị kéo ngược về quá khứ. Han tồn tại trong một trạng thái bị chia cắt giữa cái tôi và ký ức, giữa ác mộng và tỉnh thức, giữa hiện tại và quá khứ, với một vết thương không thể khép miệng trong bối cảnh hậu chiến.

3.2. Bạo lực văn hóa và chấn thương đạo đức trong tiểu thuyết *Chiến tranh trắng* của Ahn Jung-Hyo

Nghiên cứu chấn thương khuynh hướng liên ngành gần đây đã chỉ ra những cơ chế hoạt tác tinh vi của bạo lực trong đời

sống văn hóa, thông qua những diễn ngôn chi phối tư duy và hành xử cộng đồng. Theo Michel Foucault, tri thức và diễn ngôn không trung lập mà là sản phẩm, công cụ và đối tượng của quyền lực, rằng diễn ngôn là *“một dạng tài sản mà ngay từ khi nó tồn tại (...) đã đặt ra câu hỏi về quyền lực; một tài sản vốn dĩ là đối tượng của sự đấu tranh-một cuộc đấu tranh chính trị”* (Foucault, 1972: 120). Điều đó có nghĩa là những gì một quốc gia chọn để tôn vinh hay bài xích, tưởng nhớ hay lãng quên chỉ là kết quả của một chiến lược diễn ngôn. Việc Hàn Quốc anh hùng hóa, lãng mạn hóa chiến tranh Việt Nam là một lựa chọn chính trị nhằm cố kết ký ức tập thể trong một quốc gia vừa chịu tổn thương từ sự chia cắt đất nước. Diễn ngôn này cũng là biểu hiện của một cấu trúc quyền lực độc đoán đã loại bỏ hoặc phủ định những ký ức về bạo lực và chấn thương của người lính, từ đó trở thành một hình thức bạo lực văn hóa.

Hậu quả đầu tiên của dạng bạo lực này là cú sốc mạnh mẽ đối với người lính khi bị ném vào lò lửa chiến tranh và rồi nhanh chóng nhận ra: không ai có thể trở thành anh hùng trong một cuộc giết chóc không có mục tiêu cao thượng. Ahn Jung-Hyo đã trả chiến tranh về đúng với bản chất của nó *“không gian trải nghiệm hủy diệt và vô nghĩa nhất”* (Hồ Thị Long An, 2002: 11). Han dần hiểu ra vai trò mờ ám của quân đội đánh thuê Hàn Quốc trong một cuộc chiến tranh xâm lược *“Tại sao chúng ta phải kết oán thù trong một cuộc chiến chẳng liên quan gì đến Hàn Quốc?”* [7]. Khoảnh khắc này chính là cú đứt gãy đạo đức khi nhân vật nhận ra sự sụp đổ của toàn bộ hệ thống giá trị từng nâng đỡ anh: sứ mệnh “thập tự chinh”, “người cứu rỗi”, anh hùng chống Cộng”, “người tiên phong xây dựng và phát triển Hàn Quốc” (Lee, 2016: 44). Những

khuôn mẫu mà diễn ngôn nhà nước Hàn Quốc đã dày công xây dựng để chính danh hóa sự tham chiến của quân đội nước này tại Việt Nam không còn là nơi để người lính nương tựa cả về tinh thần lẫn đạo đức. Đối với họ, đây là cuộc chiến tranh màu trắng: hoàn toàn phi lý, vô nghĩa và không thể biểu tượng hóa. Như Lee Kyung-Jae đã nhận định, *“chính sự bất khả biểu tượng ấy là điều gây ra khủng hoảng”* (Lee, 2016: 44). Lý tưởng sụp đổ để lại trong lòng người lính một khoảng trống đạo đức không thể lấp đầy.

Thất bại trong việc thuyết phục bản thân về tính hợp lý của hành động giết chóc, Han đau đớn cáo buộc mình là “kẻ giết người”; và chiếc mề đay không ngừng nhắc nhở anh về sự phản bội và tội lỗi. Chiêu kích đạo đức này của chấn thương đã được Jonathan Shay gọi là chấn thương đạo đức tức là *“một vết thương tâm hồn gây ra bởi việc làm điều gì đó vi phạm đạo đức, lý tưởng hoặc tình cảm của bản thân”* (Shay, 2012: 58) hoặc là trải nghiệm đau đớn về *“sự phản bội các chuẩn mực đạo lý nền tảng trong tình huống sống còn, đặc biệt từ những người nắm quyền lực”* (Shay, 1994: 37). Trong trường hợp của Han, cả hai điều kiện này đều hội tụ. Anh bị đẩy vào một cuộc chiến mà chính quyền gọi là “cuộc thập tự chinh vì chính nghĩa”, nhưng thực tế lại là hành vi xâm lược. Vì thế, cảm giác đau đớn của người lính từng mang lý tưởng và bị phản bội bởi chính lý tưởng ấy đã trở thành một phần không thể tách rời của chấn thương. Han cảm thấy mình và đồng đội bị lừa dối, bị lãng quên và bị biến thành những vật tế cho con quái vật chiến tranh, đã chiến đấu mà *“không có danh dự cũng chẳng có phẩm giá, thậm chí chẳng còn chút nam tính nào, chỉ còn lại những hành động hèn hạ trong một cuộc chiến tranh đê tiện.”* [8].

Cùng với sốc tâm lý chiến tranh gây ra những ám ảnh bạo lực dai dẳng, chấn thương về mặt đạo đức đã khiến cho người lính vĩnh viễn mắc kẹt trong hoài nghi, mất phương hướng và cô lập xã hội sau chiến tranh.

Bạo lực văn hóa trong diễn ngôn áp đảo này đồng thời cũng khiến những cựu binh như Han Ki-Joo và Pyon Chinsu không được công nhận như những chứng nhân đau khổ. Trở về trong hào quang, với huân chương và sự chào đón của xã hội, họ lại buộc phải im lặng trước diễn ngôn chính thống chỉ tôn vinh “những người hùng chống Cộng”. Trong khi người lính bị ám ảnh bởi ký ức chấn thương, xã hội Hàn Quốc lại mê mẩn với những bài ca anh hùng kiểu *Kim Sang Sa từ Việt Nam trở về*² tán dương những “người hùng” phiêu lưu vì chính nghĩa, bảo vệ tự do và mang tiền về xây dựng đất nước. Chiến tranh vì thế vẫn tiếp tục trong diễn ngôn hậu chiến dưới hình thức một ký ức bị kiểm duyệt. Trong bản đồ ký ức này, người lính chỉ được phép xuất hiện như biểu tượng của danh dự và lòng yêu nước, còn những ký ức lệch khỏi khuôn mẫu như bạo lực, tội ác và khủng hoảng đạo đức đều bị loại bỏ bằng nhãn dán “kẻ hèn nhát”, “kẻ phản bội Tổ quốc”. Đối diện với đại tự sự, Han không thể viết được câu chuyện của mình. Hiện thực chiến tranh không ngôn từ nào kể xiết và hiện thực hậu chiến không chấn thương nào được tự do biểu đạt. Trong hệ tri thức do diễn ngôn chính thống thiết lập, chấn thương, tội ác và đau khổ của người lính không có chỗ để tồn tại. Dưới sự đàn áp của dạng bạo lực này, ký ức chấn thương của người lính bị đẩy vào vùng cấm kỵ và cứ thế kéo dài, lở loét và không thể khép miệng.

3.3. Ký ức chấn thương của người lính thời hậu chiến

Là hệ quả của sự kiện bạo lực đặc biệt nghiêm trọng, chấn thương không chỉ gây sốc, phân ly mà còn quay trở lại dưới dạng ác mộng, ám ảnh. Ám ảnh lặp lại ký ức liên quan chặt chẽ đến một đặc điểm của chấn thương, đó là tính trì hoãn. Với khái niệm *Nachträglichkeit*, Freud và Caruth cho rằng chấn thương không phải là một sự kiện đã qua mà là “một trải nghiệm bị trì hoãn” qua một “thời kỳ ủ bệnh” trước khi bộc lộ trong ký ức hay triệu chứng của nạn nhân (Caruth, 1996: 17). Trải nghiệm không thể chiếm lĩnh này để lại một khoảng trống trong ý thức, luôn tồn tại trong trạng thái chưa được giải quyết và vì thế thường quay lại dưới hình thức ác mộng và hồi tưởng đột ngột. Với Han Ki-Joo, chiến tranh tiếp tục hiện diện như một vết thương không ngừng rỉ máu, ám ảnh anh qua những đêm mất ngủ, những cơn hoảng loạn sau ác mộng và tình trạng suy kiệt tinh thần. Anh sống sót nhưng mắc kẹt lại trong “vùng ký ức rạn vỡ”, với một hiện thực bị chia đôi: một bên là đời sống thường nhật, bên kia là những mảnh ghép ác mộng bất chợt quay lại. Mười năm sau chiến tranh, Han vẫn vật lộn với quá khứ để chung sống với bản thân, vẫn “*bị ám ảnh bởi những hồi ức về những gì đã trải qua... với một cảm giác kinh hoàng có thể quay lại Việt Nam để trải nghiệm cái chết một lần nữa*” [9]. Chiến tranh không chỉ là vết cắt của quá khứ, mà là lưỡi dao cứa vào thực tại, khiến Han vẫn phải tiếp tục “*chiến đấu với những vết thương của quá khứ... và với chiến tranh*” (Yeong, 2002: 219). Dư vang bạo lực cũng khiến anh đánh mất vĩnh viễn khả năng sống hạnh phúc. Anh trở thành kẻ lạc loài ở bất kỳ nơi nào, như “một

² Một bài hát thịnh hành ở Hàn Quốc trước đây ca ngợi lính Hàn Quốc chiến đấu ở Việt Nam.

người ngoại quốc”, “một người từ hành tinh khác”. Anh cô độc như một tù nhân nhốt mình trong những đau khổ không ai có thể thấu hiểu được.

Ấm ảnh của quá khứ trong *Chiến tranh trắng* không chỉ là những hồi tưởng rời rạc mà là một sự xâm lấn triệt để vào đời sống hiện tại. Khi Pyon Chinsu bất ngờ xuất hiện như một hồn ma từ quá khứ, hiện tại của Han lập tức vỡ nát. Toàn bộ thực tiễn khốc liệt của năm 1966 tại Việt Nam lập tức dội lại, xâm nhập vào hiện tại và xé cuộc sống của anh ra thành từng mảnh vụn. Một cú điện thoại cũng có thể tạo ra một sự kiện chấn động làm vỡ nát thời gian và không gian hàng ngày của anh. Ký ức buồn đau mà anh cố quên lập tức như bóng ma hiện về, khiến anh “*sống lại hàng chục lần những sự kiện đã được đóng dấu trong ký ức*” [10]. Chiến tranh tái diễn lần nữa trong lòng anh như một cuộc chiến không bao giờ kết thúc:

“Trải nghiệm ấy thấm sâu vào tâm hồn.

Làm tê liệt. Nó hoàn toàn không như một cơn ác mộng sẽ tan biến khi ta tỉnh giấc. Quá khứ bao phủ như lớp trầm tích và dần ăn mòn hiện tại” [11].

Trường hợp của Pyon Chinsu là biểu hiện cực đoan nhất của chấn thương. Bị cầm tù trong trạng thái tâm thần phân liệt, Pyon sống cùng lúc trong hai thực tại: chiến trường và đời thường. Rừng rậm chiến trường không rời khỏi trí óc hấn. Hoang tưởng bầy chông, lính Việt Cộng, cái chết, ... là những tàn dư chiến tranh không tan biến “*Hắn luôn bị săn đuổi, bởi nỗi sợ, bởi cái chết. Kẻ hành quyết vô hình luôn chờ đợi, luôn ở gần*” [12]. Anh ta là ví dụ tiêu biểu của một người không thể “trở về” và sự tự sát của anh là minh chứng cuối cùng cho chấn thương không thể phục hồi - một dạng bi kịch mà Ahn Jung-Hyo khắc sâu như một di sản nặng nề của chiến tranh.

Từ góc nhìn tâm lý học, chấn thương không chỉ là vết thương cũ, nó là thực tại đang tiếp diễn, là một hiện tại bị ám ảnh bởi quá khứ không thể gọi tên. *Chiến tranh trắng* là một bản điều tra sâu sắc về sự phá vỡ cấu trúc ký ức, nhận thức và bản ngã của con người khi trải qua và sống sót sau chiến tranh. Tác phẩm đã thuật lại ký ức chiến tranh trong cấu trúc vận hành của ký ức chấn thương với đặc trưng phân mảnh, phi tuyến tính và sự đồng hiện hai lớp thời gian trong một vòng lặp ký ức. Các lớp thời gian hiện tại và quá khứ vận hành như hai thực tại song song, thường xuyên va chạm vào nhau. Bằng cách này, câu chuyện đem đến cho chúng ta một thông điệp rõ ràng: đời sống hiện tại của người lính vẫn đang bị chi phối và áp đảo bởi các sự kiện xảy ra trong quá khứ. Và điều bi kịch nhất là: xã hội hậu chiến lẽ ra phải xoa dịu thì lại tiếp tục đẩy nổi đau các cựu chiến binh ra khỏi ký ức tập thể, cô lập họ trong nỗi đau không thể biểu đạt.

3.4. Hành động viết như là liệu trình chữa trị chấn thương trong tiểu thuyết *Chiến tranh trắng* của Ahn Jung-Hyo

Tác nhân đầu tiên gây nên chấn thương là ký ức. Nạn nhân chấn thương vì thế có nhu cầu kể lại để tái cấu trúc ký ức để có thể hiểu và kiểm soát những trải nghiệm của mình. Việc khơi lại những trải nghiệm đau thương trở thành một phương thức trị liệu phục hồi. Theo Pederson, “*đây là một sự thật điều trị được chấp nhận rộng rãi, rằng những câu chuyện kể về những thảm họa ập đến chúng ta - cả cá nhân và tập thể - có thể là công cụ quan trọng cho quá trình phục hồi*” (Kurtz, 2018: 97). Viết là phương cách duy nhất để kháng cự sự im lặng và gìn giữ phần còn lại của chủ thể tính. Việc viết về những điều không thể nói trở thành một hình thức tưởng niệm và đối thoại, dù muộn màng, với vết thương “*Viết tiểu thuyết về*

Chiến tranh Việt Nam, dù có chủ định hay không, là hành động hồi tưởng lại những vết thương trong quá khứ” (Hồ Thị Long An, 2002: 11). Câu nói này không chỉ phản ánh hành trình nội tâm của Han Ki-Joo mà còn đúng với hành động sáng tác của chính Ahn Jung-Hyo cũng là một cựu quân nhân từng tham chiến tại Việt Nam. Là trí thức cầm bút, cả Han và Ahn Jung-Hyo đều viết về chiến tranh để thực hiện nghĩa vụ cuối cùng của một người lính là phá bỏ huyền tượng, nói ra sự thật, như một cách để đối mặt với ký ức và để sống sót. Nhưng cũng như bài báo của Han bị cắt xén, bài thơ bị từ chối vì không có không gian xã hội lắng nghe; *Chiến tranh trắng* của Ahn Jung-Hyo phải xuất bản ở Mỹ trước khi được thừa nhận ở Hàn Quốc. Những câu chuyện không thể kể đã đẩy người cựu binh ra khỏi không gian hồi phục, khiến họ không thể “trở về” đúng nghĩa. Trong những trang cuối, Han Ki-Joo vẫn là kẻ lang thang trong bóng tối quá khứ không lời an ủi. Tuy nhiên, trong dòng vận động đổi thay của lịch sử và diễn ngôn, *Chiến tranh trắng* đã đem lại cho những nhà văn cựu binh như Ahn Jung-Hyo niềm hy vọng, rằng kể lại cũng là một cách hòa giải, trước hết với vết thương và tội lỗi của chính mình.

4. Đóng góp và giới hạn của tiểu thuyết *Chiến tranh trắng*

Ở đâu có quyền lực, ở đó có kháng cự (Foucault). *Chiến tranh trắng* là một lời kháng cự văn chương đối với thứ quyền lực đã bóp méo sự thật về bạo lực chiến tranh và phủ định mọi đau thương của người lính. Đây là một đóng góp quan trọng cho tiến trình kiến tạo lại ký ức về chiến tranh Việt Nam khi nó đã bị bỏ quên trong lịch sử và văn hóa Hàn Quốc. Trong một xã hội từng phủ nhận vai trò xâm lược của quân đội mình, hành động viết của nhà văn về chiến

tranh như một trải nghiệm phi nghĩa và tàn bạo mang ý nghĩa chính trị - đạo đức lớn lao, như một nỗ lực đòi lại phẩm giá và sự thật.

Tuy nhiên, miêu tả chấn thương tinh thần của người lính Hàn Quốc trong chiến tranh Việt Nam có thể cấu thành sự tự bào chữa cho sai lầm lịch sử của Hàn Quốc khi diễn giải lịch sử theo hướng bi kịch hóa một chiều, làm lu mờ nỗi đau của nạn nhân người Việt Nam bằng cách biến người lính Hàn thành nạn nhân. Đây là một nguy cơ cần được nhận diện và phản tư vì nó có thể tạo điều kiện để che đậy trách nhiệm lịch sử của quân đội Hàn Quốc và đảo ngược vai trò nạn nhân - thủ phạm. Điều này càng rõ ràng hơn khi tiểu thuyết đã hạn chế tiếng nói của nạn nhân người Việt Nam và thiếu vắng sự đối thoại liên văn hóa. Việc đọc *Chiến tranh trắng* cần đi kèm với một thái độ tỉnh táo để nhận ra rằng đối diện với chấn thương không chỉ là để phục hồi, mà còn là để thừa nhận những lỗi lầm không thể xóa bỏ.

Ahn Jung-Hyo đã viết về sự thua cuộc của người Hàn Quốc, trên chiến trường lẫn trong phẩm giá, khi chối bỏ một tội lỗi tập thể mà người Hàn Quốc thiếu dũng cảm để thừa nhận. Tiểu thuyết đã cho thấy một sự phân ly ở cấp độ tập thể khi xã hội tạo ra một “lá chắn tinh thần” bằng cách gạt ký ức bạo lực và chấn thương ra ngoài lề, khiến ký ức cá nhân không thể hội nhập vào ký ức văn hóa chung. Trong bối cảnh cuộc chiến Việt Nam vẫn là “cuộc chiến bị bỏ quên” ở Hàn Quốc và cũng không có đài tưởng niệm dành cho hơn 4000 binh sĩ Hàn Quốc đã chết tại Việt Nam, câu chuyện chấn thương của người lính của Ahn Jung-Hyo là một cú sốc nhận thức cần thiết để buộc xã hội Hàn Quốc phải đối diện với lịch sử của mình. Chỉ khi ngừng coi chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến của “nước khác” và quân đội Hàn Quốc chỉ là “lính đánh thuê”, xã hội

Hàn Quốc mới có thể nhận thức lại về vai trò của mình trong cuộc chiến này, để hàn gắn những rạn nứt của ký ức cộng đồng và xoa dịu những nỗi đau hậu chiến.

5. Kết luận

Tiếp cận tiểu thuyết *Chiến tranh trắng* của Ahn Jung-Hyo từ góc nhìn lý thuyết chấn thương, nghiên cứu đã phân tích một điển hình văn học Hàn Quốc nằm trong xu hướng xét lại diễn ngôn về chiến tranh Việt Nam và tác động của nó đối với người cựu binh tham chiến Hàn Quốc. Bằng việc nhận diện chấn thương của người lính Hàn Quốc ở vị trí trung tâm của câu chuyện, nghiên cứu khẳng định ý nghĩa của cuốn tiểu thuyết trong việc góp phần lật đổ những niềm tin, phá vỡ những ảo tưởng về chiến tranh Việt Nam trong ký ức người Hàn Quốc. Câu chuyện của Ahn Jung-Hyo do đó không chỉ là một tiếng nói phản chiến mạnh mẽ mà còn là một lời kêu gọi đối thoại về những tổn thương mà chiến tranh để lại. Trong sự vận động thương thảo giữa các diễn ngôn văn hóa, câu chuyện *Chiến tranh trắng* bền bỉ kháng cự lại nguy cơ bị vùi lấp do màn mớng của những hình thức bạo lực phi quân sự mới mà sức mạnh đàn áp của chúng cũng ghê gớm không kém chiến tranh: sự lãng quên.

Chú thích

- [1] Ahn, J-H (1989). *White Badge: A novel of Korea*. New York, Soho Press, 210-211.
- [2] Sđd, 125
- [3] Sđd, 193
- [4] Sđd, 192
- [5] Sđd, 192
- [6] Sđd, 189
- [7] Sđd, 254
- [8] Sđd, 261
- [9] Sđd, 292
- [10] Sđd, 291
- [11] Sđd, 291
- [12] Sđd, 333

Đạo đức công bố

Tác giả đảm bảo các chuẩn mực chung về đạo đức nghiên cứu và công bố khoa học.

Tài liệu tham khảo

- Caruth, C. (1991). Unclaimed Experience: Trauma and the Possibility of History. *Yale French Studies*, 79 (Literature and the Ethical Question): 181-192. <https://doi.org/10.2307/2930251>
- Caruth, C. (1996). *Unclaimed experience: Trauma, narrative, and history*. Baltimore and London, The Johns Hopkins University Press.
- Foucault, M. (1972). *The archaeology of knowledge and the discourse on language* (A. M. Sheridan Smith, Trans.). New York, Pantheon Books. (Original work published 1969)
- Galtung, J. (1990). Cultural Violence. *Journal of Peace Research*, 27(3): 291-305. <http://www.jstor.org/stable/423472>
- Hồ Thị Long An (2002). *A Study comparing White Badge and The Sorrow of War*. Master's thesis, Department of Korean Language and Literature, Myongji University Graduate School.
- Kurtz, J. R. (2018). *Trauma and Literature*. Cambridge University Press.
- Lee, K-J. (2016). The Changing Aspect of the Memory of the Vietnam War Shown in a Korean Novel- Focusing on the Aspects of Adaptation of “The White War” by Jeonghyo Ahn, *The journal of Korean fiction research*, 64: 35-69. <https://doi.org/10.20483/jkfr.2016.12.64.35>
- Shay, J. (1994). *Achilles in Vietnam: Combat trauma and the undoing of character*. New York, Atheneum.
- Shay, J. (2012). Moral Injury. *Intertexts*, 16(1): 57-66. <http://dx.doi.org/10.1353/itx.2012.0000>
- Yeong, C.-Y. (2002). The Literary

Discourse of the Vietnam War “The White War” (Origin in South Korea: 정찬영 (2002). 「베트남 전쟁의 소설적 공론화: 하얀전쟁」을

중심으로」, 문창 어문논집, 39: 209-225쪽). *Munchang Language and Literature Collection*, 39: 209 - 225.